

Số: 4155/TB-CHP

V/v công bố Báo cáo tài chính
bán niên năm 2022 đã được soát xét

Hải Phòng, ngày 26 tháng 8 năm 2022


CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
2. Mã chứng khoán: PHP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
4. Điện thoại: 0225.3859945 Fax: 0225.3859973
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Tường Anh
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét và giải trình có liên quan, bao gồm:
 - Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
 - Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
 - Công văn số 4154/CHP-TCKT ngày 26/8/2022 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2022;
 - Công văn số 4153/CHP-TCKT ngày 26/8/2022 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét;
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: <https://haiphongport.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: 
-Như trên.
-Lưu: VT, TKCT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tường Anh

Số: 165 /NQ-CHP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét
của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1207/QĐ-CHP ngày 29/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-CHP ngày 29/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 2919/QĐ-CHP ngày 29/9/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 3987/TTr-CHP ngày 16/8/2022, Báo cáo số 4095/CHP-TCKT ngày 24/8/2022 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét;

Căn cứ Bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng số 248/THYK-HĐQT ngày 17/8/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thông qua nội dung và chấp thuận việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét của Cảng Hải Phòng (gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và giải trình biên động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2022, giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét theo đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 3987/TTr-CHP ngày 16/8/2022.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ, các Quy chế của Cảng Hải Phòng và pháp luật hiện hành thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban KTNB;
- P.TCKT;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-45
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-45

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Số: 250822.008/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng được lập ngày 25 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 149,7 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm tính là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Tuy nhiên, Công ty cũng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

(Thông tin chi tiết về các vấn đề nêu trên xem tại Thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty (đính kèm).

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn "cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.043.597.985.725	1.914.095.687.358
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.191.919.658	205.582.871.081
111	1. Tiền		30.191.919.658	85.582.871.081
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	120.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.256.718.000.000	1.357.018.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.256.718.000.000	1.357.018.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		690.902.668.223	269.748.835.505
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	186.365.083.939	163.810.010.553
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	322.487.159.610	5.279.292.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	207.461.097.707	125.989.288.321
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.410.673.033)	(25.329.756.169)
140	IV. Hàng tồn kho	9	58.059.396.695	61.906.090.508
141	1. Hàng tồn kho		58.059.396.695	61.906.090.508
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.726.001.149	19.839.890.264
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	7.313.256.119	14.934.630.942
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	412.745.030	4.905.259.322
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.275.478.125.660	3.319.021.537.375
220	II. Tài sản cố định		1.834.164.592.793	1.888.917.395.107
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.831.074.861.357	1.885.677.386.838
222	- Nguyên giá		4.699.674.720.034	4.684.719.897.577
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.868.599.858.677)	(2.799.042.510.739)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.089.731.436	3.240.008.269
228	- Nguyên giá		31.171.623.070	30.976.623.070
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.081.891.634)	(27.736.614.801)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		20.437.551.623	19.961.815.367
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	20.437.551.623	19.961.815.367
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.377.632.315.758	1.365.260.517.370
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		95.671.237.464	83.143.237.464
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.640.362.162	17.640.362.162
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15.180.974.977)	(15.024.773.365)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		43.243.665.486	44.881.809.531
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.209.385.064	32.247.362.963
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	13.034.280.422	12.634.446.568
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.319.076.111.385	5.233.117.224.733

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		882.157.806.310	937.997.361.424
310	I. Nợ ngắn hạn		325.624.054.734	333.178.411.886
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	56.763.181.504	66.761.938.603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.053.704.896	1.048.944.056
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	64.311.849.211	39.040.002.355
314	4. Phải trả người lao động		83.420.520.643	110.771.091.613
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	67.149.245.316	66.292.026.580
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.082.496.936	2.177.468.993
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	26.481.332.377	31.636.427.823
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.361.723.851	15.450.511.863
330	II. Nợ dài hạn		556.533.751.576	604.818.949.538
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	556.533.751.576	604.818.949.538
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.436.918.305.075	4.295.119.863.309
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	4.436.918.305.075	4.295.119.863.309
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		823.775.835.682	500.869.673.328
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		343.542.469.393	524.650.189.981
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		32.564.329.627	54.670.595.755
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		310.978.139.766	469.979.594.226
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.319.076.111.385	5.233.117.224.733


Đào Phương Mai
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Tường Anh
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	650.519.290.131	657.652.527.588
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		650.519.290.131	657.652.527.588
11	4. Giá vốn hàng bán	22	445.040.680.521	431.452.571.034
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		205.478.609.610	226.199.956.554
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	196.403.790.429	92.373.805.206
22	7. Chi phí tài chính	24	4.489.289.468	6.204.894.317
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.599.177.116	4.119.068.384
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	39.682.424.258	31.777.201.899
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		357.710.686.313	280.591.665.544
31	11. Thu nhập khác	26	549.640.693	726.208.769
32	12. Chi phí khác	27	105.588.253	6.808.073.781
40	13. Lợi nhuận khác		444.052.440	(6.081.865.012)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		358.154.738.753	274.509.800.532
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	47.576.432.841	48.948.905.670
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	(399.833.854)	(399.833.854)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		310.278.139.766	225.960.728.716



Đào Phương Mai
Người lập



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		358.154.738.753	274.509.800.532
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		69.902.624.771	70.856.247.393
03	- Các khoản dự phòng		237.118.476	(825.116.195)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(38.147.380.019)	(19.155.985.824)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(155.548.753.920)	(67.226.845.333)
06	- Chi phí lãi vay		3.599.177.116	4.119.068.384
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		238.197.525.177	262.277.168.957
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(32.192.111.775)	(11.883.063.442)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.846.693.813	(18.142.630.261)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(35.175.568.951)	36.461.839
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.659.352.722	(751.510.464)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.923.339.211)	(2.361.278.410)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.000.000.000)	(22.000.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		49.917.000	27.760.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.534.403.012)	(29.630.424.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		130.928.065.763	177.572.483.319
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(322.805.797.713)	(17.253.991.978)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(721.250.000.000)	(821.550.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		821.550.000.000	687.900.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.528.000.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.095.956.256
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		75.090.558.765	68.638.065.104
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(159.943.238.948)	(81.169.970.618)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(15.679.395.732)	(17.596.184.607)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(130.707.677.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(146.387.072.732)	(17.596.184.607)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(175.402.245.917)	78.806.328.094
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		205.582.871.081	75.300.559.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.294.494	(155.576.788)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	30.191.919.658	153.951.310.538

Đào Phương Mai
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 3.269.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 3.269.600.000.000 đồng; tương đương 326.960.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 1.467 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 1.498 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Số 05 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container
Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu, khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp các dịch vụ tại cảng biển và diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	424.452.807	476.609.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.767.466.851	85.106.262.081
Các khoản tương đương tiền	-	120.000.000.000
	<u>30.191.919.658</u>	<u>205.582.871.081</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.256.718.000.000	-	1.357.018.000.000
	<u>1.256.718.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.357.018.000.000</u>

(*) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 1.256.718.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư dài hạn

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.279.501.691.109	1.102.241.115.929	(2.326.884.071)	1.279.501.691.109	1.278.317.768.132	(2.118.231.868)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP) (*)	816.000.000.000	1.058.760.000.000	-	816.000.000.000	1.230.120.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng (TUG) (*)	17.501.691.109	29.808.000.000	-	17.501.691.109	35.316.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	430.000.000.000	-	-	430.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000	12.709.691.163	(2.290.308.837)	15.000.000.000	12.881.768.132	(2.118.231.868)
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	1.000.000.000	963.424.766	(36.575.234)	1.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	95.671.237.464	31.385.074.535	(11.872.959.894)	83.143.237.464	30.472.623.944	(12.785.410.485)
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000	-	(6.300.000.000)	6.300.000.000	-	(6.300.000.000)
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	-	-	25.289.203.035	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng (*)	31.440.000.000	31.385.074.535	(54.925.465)	31.440.000.000	30.472.623.944	(967.376.056)
- Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429	-	(5.518.034.429)	5.518.034.429	-	(5.518.034.429)
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	11.596.000.000	-	-	11.596.000.000	-	-
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng (**)	12.528.000.000	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	17.640.362.162	34.424.528.000	(981.131.012)	17.640.362.162	58.737.136.000	(121.131.012)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB) (*)	15.459.231.150	33.224.528.000	-	15.459.231.150	56.677.136.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (VLG) (*)	2.181.131.012	1.200.000.000	(981.131.012)	2.181.131.012	2.060.000.000	(121.131.012)
	1.392.813.290.735	1.168.050.718.464	(15.180.974.977)	1.380.285.290.735	1.367.527.528.076	(15.024.773.365)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa trên sàn chứng khoán HOSE và Upcom tại ngày 31/12/2021 và 30/06/2022.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Theo nghị quyết số 11/NQ-CHP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Quản trị chấp thuận về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng với tổng số vốn góp là 12.528.000.000 VND (tương đương 36% vốn điều lệ).

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP)	Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng (TUG)	Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	60,00%	60,00%	Dịch vụ Cảng biển, lai dắt tàu
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 đường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	100,00%	100,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa, nha khoa
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 5 Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	100,00%	100,00%	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	Số 4A Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Số 03 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Logistics và khai thác cảng biển
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	16 Hoàng Diệu, P.Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	Số 01 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng	38,81%	38,81%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Q Hải An, TP Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB)	Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	1.954.384	0,13%	Hoạt động dịch vụ tài chính.
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (VLG)	Phòng 405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	200.000	1,41%	Logistics và vận tải hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ocean Network Express Pte., Ltd	4.865.981.519	-	3.279.565.553	-
- Wan Hai Lines	18.322.441.926	-	10.668.816.888	-
- Maersk Line A/S	41.100.762.024	-	16.577.101.526	-
- Sealand Maersk Asia Pte. Ltd	2.234.007.664	-	14.504.778.310	-
- CK Line Co., Ltd	4.999.928.904	-	4.333.124.129	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	4.781.080.106	-	5.461.817.505	-
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	9.930.305.723	(9.930.305.723)
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	13.900.074.473	-	12.639.326.829	-
- Công ty Cổ phần Hàng Hải VSICO	447.302.027	-	835.569.644	-
- Công ty Cổ Phần Vận tải biển Việt Nam	1.502.916.799	-	3.054.148.740	-
- Công ty TNHHMTV Vận tải biển dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	6.628.866.818	(6.628.866.818)
- Phải thu các đối tượng khác	77.651.415.956	(8.851.500.492)	75.896.588.888	(8.770.583.628)
	186.365.083.939	(25.410.673.033)	163.810.010.553	(25.329.756.169)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	17.030.309.348	-	11.467.911.443	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình hàng hải	43.852.108	-	43.852.108	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp cảng và Hậu cần	783.461.401	-	739.367.027	-
- Công ty Cổ phần Phần mềm quản lý Doanh nghiệp	1.560.000.000	-	1.560.000.000	-
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC	959.137.000	-	959.137.000	-
- CN Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP				
- Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình thủy (*)	3.453.131.000	-	-	-
- Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân (*)	307.180.239.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần OSHICO	2.860.283.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	5.647.056.101	-	1.976.936.665	-
	322.487.159.610	-	5.279.292.800	-

(*) Tạm ứng theo Hợp đồng số 116/2022/HĐ-TK&TC ngày 12/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình thủy về việc thiết kế và thi công gói thầu EC: Khảo sát toàn bộ dự án; thiết kế và thi công xây dựng cầu Cảng, nạo vét, kê sau cầu, san lấp, đường bãi thuộc bước 1 của dự án: Đầu tư Xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.
(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	91.712.077.325	-	280.129.670	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.250.317.588	-	36.224.070.088	-
- Tạm ứng	115.722.000	-	611.700.000	-
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ công ty Cảng Hoàng Diệu	32.280.499.715	-	32.280.499.715	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	2.779.404.255	-	2.895.478.035	-
- Khấu hao tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (*)	44.887.141.500	-	44.887.141.500	-
- Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	-	-	117.201.592	-
- Tiền thuê đất nộp hộ công ty KTNV Cảng Hải Phòng	64.994.500	-	274.244.500	-
- Phải thu về bồi thường tổn thất	4.881.557.791	-	4.501.556.683	-
- Phải thu đại lý hàng hải	4.259.315.032	-	2.469.520.177	-
- Phải thu khác	1.230.068.001	-	1.447.746.361	-
	207.461.097.707	-	125.989.288.321	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	52.592.577.040	-	32.834.873.885	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 04, số 05 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy Hải Dương	367.184.730	-	367.184.730	-
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Vận tải Trọng Tín	915.035.424	-	915.035.424	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hoàng Ngân	777.244.311	-	777.244.311	-
- Công ty Cổ phần Vận tải container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.323.477.767	-	3.266.638.622	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phú Lộc	339.894.940	-	339.894.940	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương	6.628.866.818	-	6.628.866.818	-
- Công ty Cổ phần Nam Việt	390.920.031	-	383.566.509	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	436.448.181	-	434.499.586	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải châu	965.762.010	-	965.762.010	-
- MCC Transport Singapore Pte, Ltd	307.275.750	-	301.495.644	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	-
- Các khoản khác	1.028.257.348	-	1.019.261.852	-
	25.410.673.033	-	25.329.756.169	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	53.504.061.870	-	58.079.505.883	-
Công cụ, dụng cụ	3.916.756.125	-	2.872.357.925	-
Hàng hoá	638.578.700	-	954.226.700	-
	58.059.396.695	-	61.906.090.508	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án cải tạo cầu 3, 4 Cảng Chùa Vẽ phục vụ lắp đặt cần cầu quay ⁽¹⁾	7.636.150.745	7.636.150.745
- Dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện ⁽²⁾	11.595.610.626	11.516.445.171
- Các công trình khác	1.205.790.252	809.219.451
	<u><u>20.437.551.623</u></u>	<u><u>19.961.815.367</u></u>

(1) Tên dự án: Cải tạo cầu 3,4 Cảng Chùa Vẽ

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phương án tái cơ cấu về chức năng và điều chỉnh hệ thống thiết bị bốc xếp hàng hóa giữa các khu Cảng thuộc Cảng Hải Phòng nhằm tăng năng lực thông qua các loại hàng hóa của Cảng;
- Địa điểm xây dựng: Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, số 5 đường Chùa Vẽ phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: Khoảng 26,4 tỷ đồng;
- Tình trạng dự án đến 30/06/2022: Điều chỉnh lại Báo cáo nghiên cứu khả thi và bản vẽ thi công do gói thầu số 2 "Cải tạo cầu 4" không tiếp tục thực hiện. Dự án đang trong quá trình chờ nghiệm thu hoàn thành.

(2) Tên dự án: Dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teu) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu TEUs/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-mooc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại công cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ đồng;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2022: Đã xong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Đang trong giai đoạn thực hiện một số gói thầu phục vụ khởi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.732.886.806.993	78.462.833.627	2.821.584.608.182	51.785.648.775	4.684.719.897.577
- Mua trong kỳ	-	-	9.320.754.545	3.920.650.095	13.241.404.640
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	858.202.362	-	855.215.455	-	1.713.417.817
Số dư cuối kỳ	1.733.745.009.355	78.462.833.627	2.831.760.578.182	55.706.298.870	4.699.674.720.034
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	838.258.110.819	45.763.867.975	1.883.217.827.192	31.802.704.753	2.799.042.510.739
- Khấu hao trong kỳ	21.795.332.045	1.537.167.750	43.884.877.874	2.339.970.269	69.557.347.938
Số dư cuối kỳ	860.053.442.864	47.301.035.725	1.927.102.705.066	34.142.675.022	2.868.599.858.677
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	894.628.696.174	32.698.965.652	938.366.780.990	19.982.944.022	1.885.677.386.838
Tại ngày cuối kỳ	873.691.566.491	31.161.797.902	904.657.873.116	21.563.623.848	1.831.074.861.357

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.340.808.595.782 đồng.
- Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 30/06/2022 là 149,7 tỷ đồng).
Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.
Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.
Từ năm 2020, Công ty đã tạm dừng trích khấu hao đối với các tài sản này. Chi phí khấu hao chưa trích lũy kể tới ngày 30/06/2022 là 15,5 tỷ đồng (trong đó chi phí khấu hao 06 tháng đầu năm 2022 ước tính là 3,1 tỷ đồng).
(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	30.976.623.070
- Mua trong kỳ	195.000.000
Số dư cuối kỳ	31.171.623.070
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	27.736.614.801
- Khấu hao trong kỳ	345.276.833
Số dư cuối kỳ	28.081.891.634
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	3.240.008.269
Tại ngày cuối kỳ	3.089.731.436
<i>Trong đó:</i>	
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	26.330.629.738 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	1.088.682.056	4.296.776.656
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.414.440.849	2.836.344.974
Chi phí sửa chữa, nạo vét	2.146.069.737	5.272.595.849
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.664.063.477	2.528.913.463
	7.313.256.119	14.934.630.942
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	21.674.007.573	21.672.757.234
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.511.194.960	10.514.418.067
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.182.531	60.187.662
	30.209.385.064	32.247.362.963

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
- Kinh phí công đoàn	273.331.980	73.026.620
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	6.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	172.083.000	95.760.000
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	673.440.000	1.501.440.000
- Phải trả thuế TNCN	2.990.965.249	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	969.676.707	501.242.373
	5.082.496.936	2.177.468.993

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Cảng	1.083.307.051	1.083.307.051	879.375.571	879.375.571
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	10.257.254.230	10.257.254.230	6.691.997.933	6.691.997.933
- Công ty Cổ phần Unico Vina	1.295.228.100	1.295.228.100	1.678.085.200	1.678.085.200
- Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng Thành Đông	8.071.820	8.071.820	1.907.205.000	1.907.205.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	1.255.016.223	1.255.016.223	1.822.293.360	1.822.293.360
- Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí PV OIL Hải Phòng	11.205.483.190	11.205.483.190	8.293.737.770	8.293.737.770
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ An Thái Hưng	6.723.763.846	6.723.763.846	4.143.924.510	4.143.924.510
- Công ty TNHH TM vận tải và du lịch quốc tế VITRA	726.880.000	726.880.000	5.934.000.000	5.934.000.000
- Công ty Cổ Phần HPH Logistics	989.255.369	989.255.369	1.415.358.325	1.415.358.325
- Công ty Cổ phần truyền thông - Xây dựng Thành An	-	-	1.698.528.557	1.698.528.557
- Phải trả các đối tượng khác	23.218.921.675	23.218.921.675	32.297.432.377	32.297.432.377
	56.763.181.504	56.763.181.504	66.761.938.603	66.761.938.603
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	11.814.549.135	11.814.549.135	9.899.905.489	9.899.905.489
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.931.930.109	15.122.202.138	15.588.566.022	-	3.465.566.225
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.088.310.640	-	47.576.432.841	19.000.000.000	-	25.488.122.201
Thuế Thu nhập cá nhân	1.816.948.682	-	9.815.321.082	8.411.117.430	412.745.030	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	35.108.072.246	23.506.247.889	23.256.159.350	-	35.358.160.785
Các loại thuế khác	-	-	8.617.106	8.617.106	-	-
	4.905.259.322	39.040.002.355	96.028.821.056	66.264.459.908	412.745.030	64.311.849.211

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	66.261.164.524	64.585.326.619
- Chi phí phải trả khác	888.080.792	1.706.699.961
	67.149.245.316	66.292.026.580

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả tạm tính cho khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ lũy kế đến 30/06/2022 là 214,3 tỷ đồng; Lãi vay đã nộp trong năm 2020 là 149,3 tỷ đồng; Số lãi vay còn lại phải nộp đến 30/06/2022 là 65,1 tỷ đồng.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	31.636.427.823	31.636.427.823	15.679.395.732	20.834.491.178	26.481.332.377	26.481.332.377
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả ⁽¹⁾	31.636.427.823	31.636.427.823	15.679.395.732	20.834.491.178	26.481.332.377	26.481.332.377
	<u>31.636.427.823</u>	<u>31.636.427.823</u>	<u>15.679.395.732</u>	<u>20.834.491.178</u>	<u>26.481.332.377</u>	<u>26.481.332.377</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II ⁽¹⁾	253.125.146.774	253.125.146.774	-	53.440.293.408	199.684.853.366	199.684.853.366
- Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 bãi container, bến Cảng chùa Vẽ ⁽²⁾	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung ⁽²⁾	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
	<u>636.455.377.361</u>	<u>636.455.377.361</u>	<u>-</u>	<u>53.440.293.408</u>	<u>583.015.083.953</u>	<u>583.015.083.953</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(31.636.427.823)	(31.636.427.823)	(15.679.395.732)	(20.834.491.178)	(26.481.332.377)	(26.481.332.377)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>604.818.949.538</u>	<u>604.818.949.538</u>			<u>556.533.751.576</u>	<u>556.533.751.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm và phí vay lại 0,2%/năm; lãi và gốc được trả thành 40 kỳ vào ngày 20 tháng 02 và ngày 20 tháng 08 hàng năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 30/06/2022, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 1.176.425.250 JPY (tương đương 199.684.853.366 VND; Nợ dài hạn đến hạn trả là 156.856.700 JPY (tương đương 26.481.332.377 VND).

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải ("Quyết định 4196/QĐ-BGTVT").

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ đồng (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (đồng Việt Nam hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại Văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP - QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.269.600.000.000	374.887.432.138	414.681.756.945	4.059.169.189.083
Lãi trong kỳ	-	-	225.960.728.716	225.960.728.716
Phân phối lợi	-	125.881.161.190	(163.835.161.190)	(37.954.000.000)
Tăng khác	-	54.807.000	-	54.807.000
Số dư cuối kỳ	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>500.823.400.328</u>	<u>476.807.324.471</u>	<u>4.247.230.724.799</u>
Số dư đầu năm	3.269.600.000.000	500.869.673.328	524.650.189.981	4.295.119.863.309
Lãi trong kỳ	-	-	310.978.139.766	310.978.139.766
Phân phối lợi nhuận (*)	-	322.858.485.354	(492.085.860.354)	(169.227.375.000)
Giảm khác	-	47.677.000	-	47.677.000
Số dư cuối kỳ	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>823.775.835.682</u>	<u>343.542.469.393</u>	<u>4.436.918.305.075</u>

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022,
Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	492.085.860.354
Trích Quỹ đầu tư phát triển	65,61%	322.858.485.354
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,81%	38.443.375.000
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)	26,58%	130.784.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000
Các cổ đông khác	7,44%	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000
	<u>100%</u>	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>3.269.600.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>3.269.600.000.000</u>
- Vốn góp cuối kỳ	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>3.269.600.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	95.760.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	130.784.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	130.784.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(130.707.677.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(130.707.677.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>172.083.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	326.960.000	326.960.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	326.960.000	326.960.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	823.775.835.682	500.869.673.328
	<u>823.775.835.682</u>	<u>500.869.673.328</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 4 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng và dịch vụ ăn uống. Diện tích khu đất thuê là 2.276,8 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thửa đất trên đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Công ty đã nộp hồ sơ để xin gia hạn tiếp tục được thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh lên Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng. Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng đã trình lên UBND thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên UBND Thành phố Hải Phòng trả lời không gia hạn cho thửa đất trên, vì nằm trong kế hoạch di dời Cảng Hải Phòng từ 2020-2025 và nằm trong quy hoạch Nam Sông Cấm do vậy Sở Tài nguyên & môi trường không ký gia hạn hợp đồng thuê đất cho Cảng Hải Phòng.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP.Hải Phòng theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, hiện nay là Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ diện tích sử dụng là: 236,820,2 m², trong đó có các Quyết định giao đất như sau: Số:531/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 30/3/1999 diện tích cấp đất là: 55.693,9 m²; Số:1869/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 27/9/2000 diện tích cấp đất là: 8.451,5 m²; Số:1184/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 22/4/2004 diện tích cấp đất là: 74.776,2 m²; Diện tích đất còn lại là 97.898,6 m² Cảng Hải Phòng được UBND thành phố Hải Phòng giao từ năm 1955 nhưng chưa có Quyết định giao đất. Khu đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chênh lệch diện tích đất theo Quyết định đã cấp, vì vậy phải chờ UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định giao diện tích đất là 97.898,6 m² cho Công ty. Khu đất này Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng Container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích chấp hành tốt quy định về luật đất đai.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 9 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật Cảng Hải Phòng từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.

- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

- Thửa đất tại số 02 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ nối liền giữa đường Hoàng Diệu và đường Lê Thánh Tông với tổng diện tích quản lý và sử dụng là 329.613,9 m². Trong đó, diện tích sử dụng sản xuất kinh doanh là 154.127,3 m². Diện tích còn lại là 175.486,6 m² là khu vực ga phân loại trong cảng gồm 07 làn đường sắt, 01 trạm cân toa và hành lang đường sắt chạy dọc trong cảng, đường giao thông trong cảng. Khu vực bãi phòng không trại pháo 37 ly và 03 hầm trú ẩn tập thể do Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng quản lý. Hiện nay khu đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy hoạch di dời cảng để thực hiện dự án Nam Sông Cấm. Công ty được tiếp quản thửa đất này từ năm 1955 (Cảng chính) và đang làm trụ sở kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu.

- Công ty được giao thửa đất tại Khu hậu cần Bến Gót - Cát Hải theo Quyết định số 425/QĐ-UBND Thành phố Hải Phòng ngày 27/02/2006. Diện tích khu đất là 5.299 m². Công ty đã hoàn thiện hồ sơ để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng khu nhà hậu cần phục vụ khu neo đậu chuyển tải cho cán bộ nhân viên của Công ty khi làm hàng chuyển tải tại đây. Ngày 05/4/2017, UBND huyện Cát Hải có Thông báo số 480/TB-UBND thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) do Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ làm chủ đầu tư, vì vậy thửa đất không đưa vào sử dụng. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án thu hồi thửa đất này. Hiện nay thửa đất này không phải trả tiền thuê đất.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	171.836,25	1.625.918,24

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết của HĐQT	2.183.298.144	2.183.298.144

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bốc xếp	564.723.243.690	577.413.468.195
Doanh thu lưu bãi	48.371.319.896	43.899.900.929
Doanh thu lai dắt, hỗ trợ	17.721.431.935	21.296.625.158
Doanh thu kiểm đến, giao nhận, cân hàng	2.902.849.520	3.540.959.600
Dịch vụ khác	16.800.445.090	11.501.573.706
	650.519.290.131	657.652.527.588
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	27.098.170.586	28.718.236.505

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	445.040.680.521	431.452.571.034
	445.040.680.521	431.452.571.034
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	28.409.081.322	23.298.551.581

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	32.544.806.265	36.206.700.246
Lãi bán các khoản đầu tư	-	951.571.013
Cổ tức, lợi nhuận được chia	123.003.947.655	32.220.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.707.656.490	3.839.548.123
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	38.147.380.019	19.155.985.824
	196.403.790.429	92.373.805.206
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	123.003.947.655	32.220.000.000

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.599.177.116	4.119.068.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	733.910.740	2.894.933.456
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	156.201.612	(809.107.523)
	4.489.289.468	6.204.894.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.623.750	575.650.000
Chi phí nhân công	24.351.289.648	19.904.224.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.347.915.159	1.155.358.930
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	80.916.864	(16.008.672)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.072.346.085	1.296.876.537
Chi phí khác bằng tiền	11.504.332.752	8.861.100.768
	39.682.424.258	31.777.201.899

26 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tiền điện cho thuê ngoài	439.247.070	641.712.315
Thu nhập khác	110.393.623	84.496.454
	549.640.693	726.208.769

27 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	243.728.901
Ủng hộ Quỹ Vắc xin Covid - 19	-	6.550.000.000
Chi phí khác	105.588.253	14.344.880
	105.588.253	6.808.073.781

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358.154.738.753	274.509.800.532
Các khoản điều chỉnh tăng	2.731.373.107	2.454.727.819
- Chi phí không hợp lệ	732.203.839	455.558.551
- Điều chỉnh tăng phần trích trước lãi vay vốn ODA	1.999.169.268	1.999.169.268
Các khoản điều chỉnh giảm	(123.003.947.655)	(32.220.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(123.003.947.655)	(32.220.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	237.882.164.205	244.744.528.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	47.576.432.841	48.948.905.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(3.088.310.640)	(197.793.401)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(19.000.000.000)	(22.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	25.488.122.201	26.751.112.269

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.034.280.422	12.634.446.568
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13.034.280.422	12.634.446.568

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(399.833.854)	(399.833.854)
	(399.833.854)	(399.833.854)

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.926.828.462	55.098.706.592
Chi phí nhân công	207.064.278.586	217.500.733.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.902.624.771	70.856.247.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.741.276.904	45.804.040.368
Chi phí khác bằng tiền	55.088.096.056	73.970.044.595
	484.723.104.779	463.229.772.933

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán		
		30/06/2022	01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.191.919.658	-	205.582.871.081	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	393.826.181.646	(25.410.673.033)	289.799.298.874	(25.329.756.169)
Các khoản cho vay	1.256.718.000.000	-	1.357.018.000.000	-
Đầu tư dài hạn	17.640.362.162	(981.131.012)	17.640.362.162	(121.131.012)
	1.698.376.463.466	(26.391.804.045)	1.870.040.532.117	(25.450.887.181)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	583.015.083.953	636.455.377.361
Phải trả người bán, phải trả khác	61.845.678.440	68.939.407.596
Chi phí phải trả	67.149.245.316	66.292.026.580
	712.010.007.709	771.686.811.537

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Đầu tư dài hạn	-	16.659.231.150	-	16.659.231.150
	-	16.659.231.150	-	16.659.231.150
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư dài hạn	-	17.519.231.150	-	17.519.231.150
	-	17.519.231.150	-	17.519.231.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.191.919.658	-	-	30.191.919.658
Phải thu khách hàng, phải thu khác	368.415.508.613	-	-	368.415.508.613
Các khoản cho vay	1.256.718.000.000	-	-	1.256.718.000.000
	<u>1.655.325.428.271</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.655.325.428.271</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.582.871.081	-	-	205.582.871.081
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.469.542.705	-	-	264.469.542.705
Các khoản cho vay	1.357.018.000.000	-	-	1.357.018.000.000
	<u>1.827.070.413.786</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.827.070.413.786</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	26.481.332.377	556.533.751.576	-	583.015.083.953
Phải trả người bán, phải trả khác	61.845.678.440	-	-	61.845.678.440
Chi phí phải trả	67.149.245.316	-	-	67.149.245.316
	155.476.256.133	556.533.751.576	-	712.010.007.709
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	31.636.427.823	604.818.949.538	-	636.455.377.361
Phải trả người bán, phải trả khác	68.939.407.596	-	-	68.939.407.596
Chi phí phải trả	66.292.026.580	-	-	66.292.026.580
	166.867.861.999	604.818.949.538	-	771.686.811.537

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN KHÁC

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa vế là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vế (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ đồng.

- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ đồng này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ đồng. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ đồng.

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vế - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 30/06/2022 là 279,7 tỷ đồng và 149,7 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ đồng (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container Cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTtr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTtr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container - Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 đồng (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 đồng và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 đồng).

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước các khoản trên và hạch toán vào:

+ Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 đồng (Xem thêm tại thuyết minh số 7).

+ Giảm số trích trước chi phí phải trả đối chỉ phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 đồng (Xem thêm tại thuyết minh số 17).

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05, bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải Phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.

- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:

+ Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.

+ Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.

+ Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do nhà nước đầu tư.

- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.

- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần HPH Logistics	Công ty liên kết
Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy To, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.098.170.586	28.718.236.505
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	629.827.860	378.385.897
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải phòng	2.353.854.300	3.054.953.386
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.294.605.338	988.720.757
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	37.316.900	38.793.132
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	6.076.846.501	11.267.074.418
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	-	311.661.792
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	-	4.214.746
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	114.115.000
Công ty Cổ phần HPH Logistics	4.325.252.285	-
Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng	12.327.227.402	12.507.077.377
Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam	53.240.000	53.240.000
Mua hàng	28.409.081.322	23.298.551.581
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	4.277.165.093	1.075.700.368
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải phòng	22.972.376.208	20.642.979.732
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	762.057.671	772.467.246
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	397.482.350	703.904.235
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	-	103.500.000
Nhận cổ tức	123.003.947.655	32.220.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	102.000.000.000	30.600.000.000
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải phòng	972.000.000	1.620.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	20.031.947.655	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng	17.030.309.348	11.467.911.443
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	253.436.202	767.036.833
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.263.842.085	48.856.896
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	-	182.737.500
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.323.477.767	3.266.638.622
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	7.487.252.626	3.054.148.740
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	7.348.000
Công ty Vận tải biển Vinalines - CN TCT	4.702.300.668	4.141.144.852
Phải thu khác	52.592.577.040	32.834.873.885
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	52.312.447.370	32.280.499.715
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	-	274.244.500
Công ty TNHH Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	280.129.670	280.129.670
Phải trả người bán ngắn hạn	11.814.549.135	9.899.905.489
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	10.257.254.230	6.691.997.933
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	302.278.682	372.551.246
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	-	663.462.950
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	1.255.016.223	1.822.293.360
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	-	349.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	Chức danh	600.000.000	270.000.000
Nguyễn Tường Anh	Ủy viên	120.000.000	54.000.000
Lương Đình Minh	Ủy viên	120.000.000	54.000.000
Đỗ Thị Thanh Thủy	Ủy viên	120.000.000	54.000.000
Vũ Quyết Thắng	Ủy viên	80.000.000	54.000.000
Nguyễn Xuân Kỳ	Ủy viên	-	36.000.000
Đinh Văn Thạch	Ủy viên	120.000.000	18.000.000
Nguyễn Cảnh Bình	Ủy viên	40.000.000	-
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Chức danh	5.035.788.362	4.028.854.255
Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	807.724.609	660.134.701
Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	784.034.127	647.805.559
Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	486.344.783	341.184.998
Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	204.897.819	412.825.204
Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	583.043.711	400.028.609
Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	578.838.551	403.710.850
Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	574.313.964	400.039.189
Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	486.344.783	318.766.579
Trần Thị Thanh Hải	Kế toán trưởng	530.246.015	444.358.566

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.


Đào Phương Mai
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởngNguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2022